DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại
1	18825010	Nguyễn Cao Thanh	Thanh	Nữ	30/09/1991	An Giang	18825AG3	76	7.33	Khá
2	18849116	Bùi Ngọc	Tuấn		24/12/1994	An Giang	18849AG3	75	6.34	Trung Bình
3	20542001	Trần Tuấn	Anh		08/02/1984	An Giang	20542AG3	187	7.19	Khá
4	20542003	Lê Đức	Duy		19/08/1996	An Giang	20542AG3	187	7.12	Khá
5	20542007	Đặng Ngọc	Huy		29/09/1998	An Giang	20542AG3	187	7.30	Khá
6	20542006	Nguyễn Tuấn	Huy		28/07/2001	An Giang	20542AG3	187	6.90	Khá
7	20542005	Bùi Minh	Hùng		28/08/1991	An Giang	20542AG3	187	7.02	Khá
8	20542009	Hàng Đăng	Khoa		15/04/2001	An Giang	20542AG3	187	7.19	Khá
9	20542010	Nguyễn Nhi	Linh		13/06/1996	An Giang	20542AG3	187	7.01	Khá
10	20542012	Trương Thành	Nguyên		22/09/1983	An Giang	20542AG3	187	7.93	Khá
11	20542013	Nguyễn Hồng	Nhân		26/02/1993	An Giang	20542AG3	187	7.07	Khá
12	20542014	Lưu Tấn	Phát		17/07/2000	An Giang	20542AG3	187	7.17	Khá
13	20542017	Phạm Hồng	Phước		01/01/1985	An Giang	20542AG3	187	7.17	Khá
14	20542018	Mai Ngọc	Thương		1985	An Giang	20542AG3	187	7.22	Khá
15	20542019	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trung		12/10/1997	An Giang	20542AG3	187	7.38	Khá
16	20542020	Nguyễn Anh	Tuấn		09/02/1994	An Giang	20542AG3	187	7.01	Khá
17	20542021	Nguyễn Thanh	Võ		09/12/1996	An Giang	20542AG3	187	7.40	Khá
18	20542022	Thái Văn	Xuân		24/10/1983	An Giang	20542AG3	187	6.99	Khá
19	20842028	Nguyễn Ngọc	Anh		12/03/1994	Nghệ An	20842DN3L	189	6.23	Trung Bình

20	20842046	Trần Hữu	Kiên		24/06/2001	Lâm Đồng	20842DN3L	189	6.94	Khá
21	20843006	Vũ Phạm Thanh	Bình		17/08/1993	Đồng Nai	20843DN3L	177	7.19	Khá
22	20845139	Lê Ngọc	Sơn		23/11/1995	Đồng Nai	20845DN3L	200	6.64	Khá
23	19645279	Phạm Minh	Huy		29/07/1997	Phú Yên	19845GVT3	194	6.44	Trung Bình
24	19645283	Nguyễn Đăng	Nhiệm		24/07/1997	Đăk Lăk	19845GVT3	194	6.65	Khá
25	19645288	Ngô Đắc	Thành		19/09/1997	Tây Ninh	19845GVT3	194	6.89	Khá
26	19845191	Hồ Ngọc	Tiến		02/04/1998	Ninh Thuận	19845GVT3	194	6.83	Khá
27	16549043	Trang Minh	Sáng		29/12/1989	Kiên Giang	16549KG2	128	6.28	Trung bình khá
28	16549045	Phan Nhựt	Tâm		05/12/1995	Kiên Giang	16549KG2	131	5.99	Trung bình
29	19643210	Nguyễn Bách	Huy		20/03/1999	Tây Ninh	19843LTT3	170	7.02	Khá
30	19643211	Nguyễn Công	Minh		01/09/1998	Tiền Giang	19843LTT3	170	7.22	Khá
31	20642003	Trần Trung	Hiền		04/07/1996	Bến Tre	20842LTT3	189	6.66	Khá
32	17442004	Nguyễn Viết	Dũng		05/12/1995		17442SP2	149	6.66	Khá
33	17443030	Võ Xuân	Dũng		14/08/1987	Hà Tĩnh	17443SP2	150	6.97	Khá
34	17545044	Phạm Anh Việt	Duy		18/12/1993	Đồng Nai	17545SP2	131	6.23	Trung Bình
35	18545032	Phạm Văn	Minh		24/08/1998	Hải Phòng	18545SP2	131	6.37	Trung Bình
36	18842093	Nguyễn Hoài	Phúc		29/04/1991	Tiền Giang	18842SP2B	78	6.54	Khá
37	19643006	Trần Nguyễn Minh	Đức		13/06/1995	TP. Hồ Chí Min	19443SP1	170	7.08	Khá
38	19843008	Nguyễn Ngọc	Vinh		10/07/1996	Quảng Nam	19443SP1	170	6.53	Khá

39	19845003	Trần Đăng	Khoa		29/06/1998	An Giang	19445SP1	194	6.36	Trung bình
40	19845010	Ngô Anh	Quyền		04/11/1998	Đăk Lăk	19445SP1	194	6.56	Khá
41	19649004	Nguyễn Hữu	Danh		00/00/1987	Đồng Tháp	19449SP1	160	6.23	Trung bình
42	19649006	Nguyễn Thành	Hiếu		20/07/1996	Bình Định	19449SP1	160	6.23	Trung bình
43	19641005	Đỗ Trung	Dũng		11/06/1995	Lâm Đồng	19841SP2	149	6.58	Khá
44	19642168	Võ Thành	Thân		05/02/1998	Quảng Ngãi	19842SP2CA	185	6.27	Trung bình
45	19642198	Hồ Trung	Hưng		12/02/1998	Bình Thuận	19842SP2CB	185	6.46	Trung bình
46	19643152	Trần Duy	Thoan		07/03/1998	Thái Bình	19843SP2CB	171	6.85	Khá
47	19843034	Nguyễn Duy	Tân		30/03/1993	Tây Ninh	19843SP2L	171	6.99	Khá
48	17645125	Lưu Tiến	Thịnh		24/10/1996	TP. Hồ Chí Min	19845SP2CA	200	6.74	Khá
49	19645141	Nguyễn Hà	Tín		21/08/1998	TP. Hồ Chí Min	19845SP2CB	194	6.45	Trung bình
50	19845056	Huỳnh Thanh	Sang		07/03/1996	TP. Hồ Chí Min	19845SP2L	194	6.59	Khá
51	19846012	Trần Quốc	Trạng		15/06/1997	Trà Vinh	19846SP2	169	6.26	Trung bình
52	19847019	Nguyễn Khắc	Duy		14/04/1998	Bến Tre	19847SP2L	176	6.26	Trung bình
53	20542027	Nguyễn Cao	Cường		05/05/1995	Hà Tĩnh	20542SP3	187	6.76	Khá
54	20542025	Nguyễn Mạnh	Cường		10/06/1994	Phú Yên	20542SP3	187	6.76	Khá
55	20542031	Tô Hồng	Diễn		31/05/1996	An Giang	20542SP3	187	7.04	Khá
56	20542029	Hồ Phan Nhật	Đa		29/09/1988	Bình Định	20542SP3	187	7.30	Khá
57	20542032	Đinh Trần	Đông		26/04/1994	Thanh Hóa	20542SP3	187	7.09	Khá
58	20542035	Nguyễn Văn	Hạnh		25/07/1995	Bình Thuận	20542SP3	187	6.80	Khá
59	20542037	Võ Đăng	Hòa		19/11/1994	TP. Hồ Chí Min	20542SP3	187	6.78	Khá
60	20542041	Nguyễn Văn	Nay		05/01/2002	Tiền Giang	20542SP3	187	6.56	Khá
61	20542043	Cao Trí	Nghĩa		11/02/1998	Trà Vinh	20542SP3	187	7.29	Khá

62	20542047	Nguyễn Tuấn	Phú		09/08/1987	TP. Hồ Chí Min	20542SP3	187	6.86	Khá
63	20542048	Nguyễn Văn	Sơn		06/01/2002	Lâm Đồng	20542SP3	187	7.26	Khá
64	20542049	Hồ Thành	Tân		09/08/1994	Đồng Tháp	20542SP3	187	7.17	Khá
65	20542050	Phạm Ngọc Đức	Thắng		20/09/1988	Bến Tre	20542SP3	187	7.72	Khá
66	20542053	Trịnh Trung	Trường		16/11/1998	TP. Hồ Chí Min	20542SP3	187	6.74	Khá
67	20543003	Phạm Văn	Hiếu		06/09/1994	TP. Hồ Chí Min	20543SP3	173	7.39	Khá
68	20543004	Trần Minh	Hiếu		20/08/1998	Nam Định	20543SP3	173	7.40	Khá
69	20543008	Lê Tấn	Khoa		28/04/1996	Cần Thơ	20543SP3	173	7.39	Khá
70	20543013	Cao Văn	Thuận		10/10/1985	Nam Định	20543SP3	173	7.72	Khá
71	20543015	Nguyễn Bá	Tòng		11/04/1997	TP. Hồ Chí Min	20543SP3	173	7.53	Khá
72	20545010	Tô Duy	Hoành		23/11/2000	Quảng Nam	20545SP3	196	7.88	Khá
73	20545015	Vũ Đức	Long		25/12/1997	Đồng Nai	20545SP3	196	6.84	Khá
74	20545018	Võ Hồng	Phát		31/01/1998	Bến Tre	20545SP3	196	7.12	Khá
75	20545022	Huỳnh Anh	Tuấn		10/08/2000	Kon Tum	20545SP3	196	6.69	Khá
76	20545023	Nguyễn Văn	Vinh		06/01/2002	Lâm Đồng	20545SP3	196	6.99	Khá
77	20643005	Trần Văn	Ba		27/11/1999	Phú Yên	20843SP3C	180	7.72	Khá
78	20643019	Trịnh Đăng	Hà		08/09/1995	Thanh Hóa	20843SP3C	180	7.09	Khá
79	20643042	Nguyễn Tấn	Phát		24/03/1999	Bến Tre	20843SP3C	180	7.09	Khá
80	20643055	Nguyễn Thanh	Tâm		20/03/1999	Đồng Nai	20843SP3C	180	7.26	Khá
81	20643075	Trương Minh	Ý		17/01/1993	à Rịa - Vũng Tà	20843SP3C	180	7.33	Khá
82	20843058	Bùi Đăng	Khoa		09/09/1998	Bến Tre	20843SP3L	178	7.03	Khá
83	20645019	Mai Hoàng	Anh		03/06/1999	Long An	20845SP3C	194	7.33	Khá
84	20645038	Nguyễn Thanh	Hòa		06/01/1999	Kiên Giang	20845SP3C	194	6.77	Khá

85	20645043	Nguyễn Phước	Hùng		06/07/1998	Đồng Nai	20845SP3C	194	6.96	Khá
86	20845171	Trần Phước	Ái		16/08/1996	Lâm Đồng	20845SP3L	194	7.08	Khá
87	20646019	Vũ Thành	Nam		20/09/1999	Đồng Nai	20846SP3	173	6.87	Khá
88	20846010	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	02/05/1994	TP. Hồ Chí Min	20846SP3	174	7.27	Khá
89	20646021	Đặng Văn	Pha		15/06/1996	Đồng Tháp	20846SP3	173	7.11	Khá
90	20847002	Đoàn Đình	Chương		28/08/1996	Tiền Giang	20847SP3	184	6.81	Khá
91	20649012	Lưu Phú	Quý		04/11/1992	Bình Định	20849SP3	169	6.95	Khá
92	20661011	Hà Thanh	Duy		30/04/1993	TP. Hồ Chí Min	20861SP3C	159	6.73	Khá
93	20661029	Phạm Cao	Lương		27/03/1998	Quảng Nam	20861SP3C	159	6.90	Khá
94	20661036	Trịnh Công	Sơn		23/11/1998	Đồng Nai	20861SP3C	159	7.01	Khá
95	20661044	Nguyễn Thị Mỹ	Tính	Nữ	01/10/1997	Quảng Ngãi	20861SP3C	159	6.94	Khá
96	20861024	Nguyễn Văn	Âu		16/12/1991	Trà Vinh	20861SP3L	159	6.03	Trung bình
97	20861025	Danh Thanh	Chiến		05/05/1995	Kiên Giang	20861SP3L	159	6.46	Trung bình
98	17549018	Nguyễn Thanh	Phương		28/03/1989	Tây Ninh	17549BTH2	130	7.04	Khá
99	19543009	Đặng Quang	Long		21/01/1994	Lâm Đồng	19543TKS1	164	7.11	Khá
100	19545017	Trịnh Bửu	Lợi		24/01/1995	TP. Hồ Chí Min	19545TKS1	192	6.32	Trung Bình
101	19610059	Nguyễn Sơn	Tùng		13/10/1998	Đồng Tháp	19810TKS2	226	7.36	Khá
102	20542054	Nguyễn Thái	Bình		21/09/1994	Quảng Ngãi	20542TKS3	187	6.99	Khá
103	20542055	Nguyễn Xuân	Dũng		19/07/1995	Hà Tĩnh	20542TKS3	187	7.14	Khá
104	20542058	Nguyễn Văn	Hùng		10/08/1986	Trà Vinh	20542TKS3	187	6.80	Khá
105	20542060	Nguyễn Duy	Khánh		01/10/2000	TP. Hồ Chí Min	20542TKS3	187	7.54	Khá
106	20542061	Đỗ Hoàng	Nam		05/11/1998	Long An	20542TKS3	187	6.99	Khá

107	20542063	Nguyễn Thanh	Nguyên		24/01/1992	Đồng Tháp	20542TKS3	187	6.84	Khá
108	20542065	Phạm Tấn	Phát		29/12/1996	TP. Hồ Chí Min	20542TKS3	187	6.92	Khá
109	20542066	Lê Thành	Quý		22/10/1995	Đăk Lăk	20542TKS3	187	6.85	Khá
110	20542067	Nguyễn Thanh	Thảo		26/12/1999	Đăk Lăk	20542TKS3	187	6.56	Khá
111	20542069	Đặng Trung	Tín		13/11/1995	Quảng Ngãi	20542TKS3	187	7.06	Khá
112	20542070	Võ Công	Toàn		12/11/1995	Phú Yên	20542TKS3	187	6.96	Khá
113	20542071	Ngô Đình	Tuấn		31/12/1990	Tiền Giang	20542TKS3	187	6.80	Khá
114	20542072	Thân Phùng Thành	Việt		08/08/1996	Gia Lai	20542TKS3	187	6.94	Khá
115	20810041	Phạm Thành	Trung		17/02/2000	Bình Phước	20810TKS3	229	7.12	Khá
116	20845263	Đặng Tấn	Trường		12/06/1999	Quảng Ngãi	20845TKS3	200	6.61	Khá
117	18542041	Phan Nguyễn Việt	Tiến		07/10/2000	Tây Ninh	18542TN2	135	6.77	Khá